TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỤ BẢN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày: 17-4-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đức.

Ông Nguyễn Công Bằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức K, sinh năm 1984; nơi sinh: Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1953 và bà Vũ Thị P1, sinh năm 1962; vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1989; có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-10-2024 đến nay (Có mặt).

- *Bị hại:* Công ty TNHH T3; địa chỉ: Số B, ngõ H Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Hoàng Quốc V – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Quốc V: Ông Nguyễn Minh V1, sinh năm 1996, địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Trọng Đ (Vắng mặt).

+ Bà Trần Thị T (Vắng mặt).

+ Ông Vũ Xuân T1 (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Ánh S (Vắng mặt).

+ Bà Vũ Thị D (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị C (Vắng mặt).
+ Bà Vũ Thị Thanh X (Vắng mặt).
+ Bà Phạm Thị Tố H1 (Vắng mặt).
+ Ông Nguyễn Phi T2 (Vắng mặt).
+ Bà Cao Thị S1 (Vắng mặt).
+ Ông Nguyễn Văn P (Vắng mặt).
+ Bà Vũ Thị P1 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2023, Nguyễn Đức K thông qua mối quan hệ bạn bè với anh Nguyễn Trọng Đ, trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình là quản lý kinh doanh khu vực tỉnh Nam Định của Công ty TNHH T3. Kiệm được công ty nhận vào làm cộng tác viên, nhân viên bán hàng theo hình thức thỏa thuận miệng. Theo đó, K có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể tại Công ty là được chủ động tìm kiếm khách hàng, tư vấn và bán sản phẩm thực phẩm chức năng của công ty cho các khách hàng. Sau mỗi lần tìm kiếm được khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm của công ty thì K sẽ liên hệ với anh Đ để yêu cầu công ty gửi đơn hàng bằng xe khách về, K sẽ nhận đơn hàng và giao cho khách, đồng thời thu tiền bán hàng theo hình thức trực tiếp nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của K số 3200205241183 mở tại Ngân hàng A chi nhánh N. Sau đó, K có trách nhiệm chuyển tiền về cho công ty trước ngày mùng mười hàng tháng. Tiền công lao động của K sẽ được công ty trả bằng hình thức chiết khấu 20% số tiền trong từng đơn hàng mà K đã giao thành công sau khi K đã nộp tiền về cho công ty.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, K đã nhiều lần liên hệ với công ty để nhận các đơn hàng thực phẩm chức năng và bán cho các khách hàng sau đó thu tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 18-08-2023, K đã liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho phòng khám của bác sỹ Vũ Xuân T1, địa chỉ tại xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, với tổng số tiền là 5.645.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Ngày 15-09-2023 bác sỹ T1 đã thanh toán số tiền trên cho K bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của K.

- Ngày 03-10-2023, K tiếp tục liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho phòng khám của bác sỹ T1 có địa chỉ nêu trên, với tổng số tiền là 9.485.000 đồng (Chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ngày 25-10-2023, bác sỹ T1 đã thanh toán số tiền trên cho K bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của K.

- Ngày 24-7-2023, K đã liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho Nhà thuốc Tâm Đức của chị Nguyễn Thị C, địa chỉ tại Số nhà I, đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định với tổng số tiền đơn hàng là

7.620.000 đồng. Đến ngày 18-8-2023, K tiếp tục bán cho nhà thuốc này đơn hàng trị giá 1.820.000 đồng. Nhà thuốc đã bán được đơn hàng có tổng trị giá là 4.633.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền nhà thuốc được Công ty C1 là 695.000đ. Ngày 11-11-2023 nhà thuốc đã trả đủ tiền mặt cho K số tiền 3.938.000 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Ngày 25-8-2023, K đã liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho Quầy thuốc Cát Tiên của chị Vũ Thị D, địa chỉ tại Xóm D, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định, với tổng số tiền đơn hàng là 990.000 đồng. Đến ngày 11-9-2023, K tiếp tục bán cho quầy thuốc này đơn hàng trị giá 1.790.000 đồng, tổng số tiền 2 đơn hàng mà K giao cho quầy thuốc Cát Tiên là 2.780.000 đồng (Hai triệu bẩy trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền này ngày 30-9-2023 chị D đã thanh toán cho K bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của K.

- Ngày 28-9-2023, K đã liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho quầy thuốc của chị Vũ Thị Thanh X, địa chỉ tại Xóm C, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Khoảng đầu tháng 11 năm 2023 chị X đã thanh toán cho K bằng tiền mặt số tiền 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bẩy trăm nghìn đồng).

- Ngày 18-8-2023 và ngày 15-9-2023, K đã liên hệ và bán được sản phẩm thực phẩm chức năng của Công ty cho quầy thuốc Phạm Thị Tố H1, địa chỉ tại Cầu V, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định, giá trị 02 đơn hàng là 3.960.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Khoảng tháng 10 năm 2023 chị H1 đã thanh toán đủ số tiền trên cho K.

- Ngày 16-11-2023, K đã liên hệ với Công ty Đ1 thực phẩm chức năng để bán cho khách hàng là Nhà thuốc Ánh Sao của chị Vũ Thị Ánh S2, địa chỉ tại Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định với đơn hàng có giá trị là 2.970.000 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau khi nhận được đơn hàng K không giao cho quầy thuốc Ánh Sao mà giao cho quầy thuốc khác và nhận đủ số tiền trên nhưng K khai không nhớ tên, địa chỉ của quầy thuốc này.

- Ngày 27-01-2024, K đã liên hệ với Công ty Đ1 thực phẩm chức năng để bán cho khách hàng là quầy thuốc Cao Thị S1, địa chỉ tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, với đơn hàng có trị giá là 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), Sau khi nhận được đơn hàng K không giao cho quầy thuốc Cao Thị S1 mà giao cho quầy thuốc khác nhưng K không nhớ tên, địa chỉ và đã nhận đủ số tiền trên từ quầy thuốc.

- Ngày 08-3-2024 K đã liên hệ và bán được sản phẩm của Công ty cho quầy thuốc chị Y, địa chỉ: xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, khoảng cuối tháng 3 năm 2024 quầy thuốc này đã thanh toán bằng tiền mặt trực tiếp cho kiệm số tiền 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền K đã nhận được từ các khách hàng sau các lần giao hàng cho công ty là 47.858.000 đồng (Bốn mươi bẩy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng), trong đó có 8 lần K nhận được số tiền trên 2.000.000 đồng. Số tiền này K

không nộp về cho Công ty theo đúng quy định mà K đã sử dụng toàn bộ vào việc chi tiêu cá nhân. Đến tháng 5-2024, sau khi kế toán công ty kiểm tra thông tin trên hệ thống và khách hàng phát hiện Kiệm đã nhận được tiền do các khách hàng chi trả mà không nộp về Công ty. Công ty đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu K nộp trả lại số tiền trên về Công ty nhưng K không nộp.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKSVB ngày 07-3-2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã truy tố Nguyễn Đức K về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng "Huy chương chiến sỹ vẻ vang", "Thiệp báo công" và "Bằng khen".

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức K phạm tội "Tham ô tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T3 đã nhận đủ số tiền mà K chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên không xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như các lời khai của bị cáo, của bị hại, của người làm chứng tại cơ quan điều tra. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2023, Nguyễn Đức K bắt đầu làm nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH T3, địa chỉ tại xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Theo đó, K có nhiệm vụ, quyền hạn bán hàng, được công ty giao hàng để giao cho khách hàng, sau đó thu tiền của Khách hàng và phải nộp lại cho Công ty trước ngày mùng mười hàng tháng. Trên cơ sở đó, K sẽ được hưởng 20% số tiền trong từng đơn hàng mà K đã giao thành công sau khi K đã nộp tiền về cho Công ty. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, K đã lợi dụng quyền hạn của mình là bán hàng, thu tiền của khách hàng để tham ô tài sản. Theo đó, K đã nhiều lần nhận thực phẩm chức năng của Công ty để bán cho các khách hàng và thu tiền từ khách hàng nhưng không nộp cho công ty theo quy định mà đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân, trong đó có 8 (tám) lần thu số tiền trên 2.000.000 đồng. Tổng số tiền mà K chiếm đoạt được là 38.642.000 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo với những quy định của pháp luật thì bị cáo đã cấu thành tội "Tham ô tài sản". Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản truy tố và luận tội hành vi của bị cáo về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ bản thân được giao nhiệm vụ, quyền hạn thu tiền từ khách hàng để chuyển lại cho Công ty nhưng vì hám lợi, nên cố ý chiếm đoạt để tiêu sài cho mục đích cá nhân. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng "Huy chương chiến sỹ vẻ vang", "Thiệp báo công" và "Bằng khen". Do đó căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Về đường lối xử lý: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi môi

trường ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xem xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định mức phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, Hội đồng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH T3 đã nhận đủ số tiền mà K đã chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức K phạm tội "Tham ô tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K 36 (ba sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 16-10-2024.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đức K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Vụ Bản;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PC 10, PV 06 Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã Đại Thắng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

Phạm Trường Nam